

Bản án số: 03/2025/DS - ST

Ngày: 18-3-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Huệ và ông Phạm Văn Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 116/2024/TLST - DS ngày 01/11/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST - DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần H, sinh năm 1968; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 8, xã QV, thị xã HM, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm 8, xã QL, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần H trình bày:

Năm 2016 ông Nguyễn Đức T có mua của ông cây xanh để trồng trong khu vui chơi giải trí Mườnng Thanh với giá 64.300.000 đồng; vì anh em làm việc với nhau nhiều lần nên tin tưởng, ông H đã cho ông T nợ tiền và hẹn đến khi trồng cây xong sẽ trả. Nhưng sau khi trồng cây xong thì ông T cũng không trả được tiền cây cho ông H mặc dù đã đòi nhiều lần. Đến ngày 24/7/2018, ông H và ông T có làm lại giấy chót nợ ông T còn nợ tiền cây xanh của ông H 64.300.000 đồng và hẹn trong ngày 24/8/2018 trả luôn nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả được tiền cho ông H. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền cây là 64.300.000 đồng

và tiền lãi được tính 0.8%/tháng từ 24/7/2018 tạm tính đến tháng 24/02/2025 là 39.608.000 đồng, tổng cộng là 103.908.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Năm 2018, ông T được làm trong dự án trồng cây xanh Mường Thanh nên ông có lấy cây xanh của ông H với số tiền 64.300.000 đồng nhiều loại cây khác nhau. Đồng thời có lập giấy thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/7/2018 nội dung ông T nợ tiền cây ông H 64.300.000 đồng và thời gian trả là 24/7/2018. T bộ giấy tờ này do ông H viết và ký vào, ông T không ký nhưng ông T cũng không đề nghị giám định đối với chữ ký này. Sau ngày chót nợ thì ông T có trả nợ cho ông H được 20.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Nay ông H yêu cầu ông T trả số tiền cây 64.300.000 đồng và lãi suất thì ý kiến của ông H là chỉ thống nhất trả 40.000.000 đồng, không trả lãi cho ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả cho ông Trần H số tiền mua bán cây còn nợ là 64.300.000 đồng và lãi suất theo quy định. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức T nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Trần H yêu cầu ông Nguyễn Đức T trả số tiền mua bán cây xanh, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm 8, xã QL, huyện QL; hợp đồng cũng được thực hiện tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, các bên không có thỏa thuận về nơi giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Đức T nhưng ông T vẫn không hợp tác, vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn cho thấy có việc vào thời gian năm 2018 ông T đã mua cây xanh của ông Trần H với giá 64.300.000 đồng. Xét biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24 tháng 7 năm 2018, giữa ông Trần H và ông Nguyễn Đức T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử nhận định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết quyền và nghĩa vụ của các bên. Việc chốt nợ cũng bắt nguồn từ việc mua bán cây do đó xác định đây là hợp đồng mua bán và việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền cây là một trong điều khoản của việc mua bán cây giữa ông H và ông T.

Theo biên bản thỏa thuận ngày 24/7/2018 thì ông T còn nợ ông H số tiền cây là 64.300.000 đồng, thời gian trả là ngày 24/7/2018. Ông T cho rằng ông không ký vào biên bản thỏa thuận trên nhưng cũng không yêu cầu Tòa án giám định chữ ký và thừa nhận vào thời gian ngày 24/7/2018 có chốt nợ tiền cây là 64.300.000 đồng. Ông T cho rằng đã trả cho ông H được 20.000.000 đồng nhưng ông T cũng không đưa được ra các tài liệu chứng minh cho việc đã trả số tiền này cho ông H. Tòa án cũng đã giao trách nhiệm cho ông nhưng ông T vẫn không thực hiện được. Do đó việc ông H khởi kiện ông T trả số tiền 64.300.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán của nguyên đơn, căn cứ vào biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24/7/2018, các bên không thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận khác về vi phạm hợp đồng. Tuy nhiên căn cứ khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự: “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.” Như vậy, việc ông H yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận. Ông T không đồng ý trả lãi là không phù hợp. Theo biên bản thỏa thuận xác định ngày chậm trả là ngày 24/7/2018, do đó căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận cho nguyên đơn tính lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả 0,8%/tháng kể từ ngày 24/7/2018 đến ngày xét xử, tạm tính đến 24/2/2025 (79 tháng) là nằm trong giới hạn tính lãi cho phép của bộ luật dân sự.

Do đó cần buộc ông Nguyễn Đức T thanh toán cho ông Trần H số tiền nợ 64.300.000 đồng theo biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24 tháng 7 năm 2018 và lãi suất chậm trả là 40.637.600 đồng.

[3]. Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 280, 430, 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H.

2.1. Buộc ông Nguyễn Đức T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần H tổng số tiền là 104.937.600đ (Một trăm linh tư triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm đồng), (trong đó tiền nợ gốc: 64.300.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả là 40.637.600 đồng) theo Biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 24 tháng 7 năm 2018.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Đức T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.247.000đ (Năm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trần H số tiền tạm ứng án phí 3.201.000đ (Ba triệu hai trăm linh một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005856 ngày 31/10/2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Hện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKS ND Hện Q.Lưu;
- THADS Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà